

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 287/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10/8/2024
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Bà Mai Thị Thảo

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Quốc Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 144/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 177/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 05/TB-TA ngày 27 tháng 6 năm 2024 và Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 06/TB-TA ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị N**, sinh năm 1992,

Địa chỉ: KDC P, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Vũ Văn L**, sinh năm 1991,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC P, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Lào

Chị N, anh L đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai, biên bản lấy lời khai, chị Hoàng Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn L tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K (nay là phường H, thị xã

K), tỉnh Hải Dương vào ngày 13/3/2013 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, chị chuyển về nhà chồng sinh sống cùng gia đình nhà chồng. Vợ chồng chung sống đến năm 2021 anh L đi lao động bên Lào, đến nay chưa về nước lần nào. Vợ chồng xa cách anh L không liên lạc với chị, chị đã nhiều lần liên lạc nhưng anh L đều không nghe. Chị đã trao đổi với bố mẹ chồng nhiều lần về việc này nhưng bố mẹ động viên chị tiếp tục nuôi con. Nhưng thời gian quá dài anh L chỉ thi thoảng liên lạc với gia đình. Chị đã liên lạc bảo anh L về Việt Nam nhưng anh L không đồng ý về Việt Nam để tiếp tục chung sống cùng chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn L.

- Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là Vũ Bảo L1, sinh ngày 06/9/2013 và Vũ Hải N1, sinh ngày 10/7/2020, hiện nay đều đang ở cùng với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung, tự nguyện không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cùng chị.

- Về tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ông Vũ Văn V, bà Hoàng Thị N2 (là bố mẹ đẻ của anh Vũ Văn L) trình bày: Về thời điểm kết hôn của vợ chồng anh L, chị N như chị N trình bày là đúng. Hiện nay anh L đang lao động ở nước ngoài, địa chỉ thì gia đình không nắm được. Anh L vẫn thi thoảng liên lạc về với gia đình. Việc chị N có đơn xin ly hôn và đề nghị giải quyết việc nuôi dưỡng con, gia đình không mong muốn các con ly hôn, để ông bà được tiếp tục hỗ trợ chị N nuôi dưỡng các cháu. Trường hợp chị N cương quyết ly hôn, gia đình ông bà cũng phải chấp nhận. Về con chung, vợ chồng có 02 con chung Vũ Bảo L1, sinh năm 2013 và Vũ Hải N1, sinh năm 2020. Chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung, tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng, gia đình và anh L nhất trí. Các văn bản tố tụng Tòa án giao cho anh L, ông bà cam kết nhận thay và thông báo cho anh L.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị N có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh L vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Vũ Văn L;

Giao cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung Vũ Bảo L1, sinh ngày 06/9/2013 và Vũ Hải N1, sinh ngày 10/7/2020 cho đến khi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Vũ Văn L. Anh L hiện đang sinh sống và lao động tại Lào. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N không cung cấp được địa chỉ của anh L tại Lào. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị N và gia đình anh Long cung cấp địa chỉ nhưng chị N không cung cấp được. Thông qua gia đình xác định anh L có liên lạc về gia đình, gia đình anh L không cung cấp được địa chỉ của anh L tại Lào. Do vậy, áp dụng Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa chị N có đơn xin xét xử vắng mặt; anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N, anh L.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Vũ Văn L do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K (nay là phường H, thị xã K), tỉnh Hải Dương vào ngày 13/3/2013 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, năm 2021 anh L đi lao động tại Lào đến nay chưa về nước. Thời gian đi làm ở nước ngoài, anh L ít liên lạc về cho gia đình, không quan tâm đến chị N. Chị N đã nhiều lần nói chuyện đề anh L về Việt Nam chung sống cùng gia đình tiếp tục nuôi dạy các con cùng chị N nhưng anh L không đồng ý. Thông qua gia đình, anh L đã biết việc chị N làm đơn xin ly hôn nhưng anh L không có quan điểm gì.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng từ năm 2021 đến nay anh L đi Lào lao động không về nước lần nào và vợ chồng không thống nhất được với nhau về định hướng cuộc sống. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng chị N, anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị N được ly hôn anh L là phù hợp.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị N, anh L có 02 con chung là cháu Vũ Bảo L1, sinh ngày 06/9/2013 và Vũ Hải N1, sinh ngày 10/7/2020, cả 02 con chung hiện đang ở cùng với chị N. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh L và gia đình anh L có quan điểm nhất trí. Xét thấy, cả 02 con chung đang có cuộc sống ổn định cùng với chị N và cháu L1 có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, cần tiếp tục giao cháu L1, cháu N1 cho chị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Vũ Văn L được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Vũ Văn L.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Vũ Bảo L1, sinh ngày 06/9/2013 và Vũ Hải N1, sinh ngày 10/7/2020 cho đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Vũ Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000544 ngày 25/3/2024 (chị N đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Chị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Hiến Thành, thị xã Kinh Môn (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cường

